



► Báo cáo nghiên cứu tóm tắt

Tháng 5 năm 2025

Lợi tức giáo dục ở Việt Nam: Thu nhập, giáo dục và quá trình chuyển dịch sang khu vực chính thức

Những điểm chính

- Cùng với tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và giảm nghèo nhanh chóng, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc cải thiện trình độ giáo dục của lực lượng lao động, đồng thời mở rộng việc làm thỏa đáng trong nền kinh tế chính thức.
- Trong khi nhìn chung, thu nhập thực tế theo giờ trong khu vực chính thức vẫn cao hơn so với khu vực phi chính thức, khoảng cách đã được thu hẹp đáng kể, từ 34,1% năm 2016 xuống còn 13,9% năm 2022 do thu nhập trong khu vực phi chính thức tăng trưởng cao hơn.
- Lợi tức giáo dục, khi đo lường bằng thu nhập, đã giảm. Thu nhập phụ trội của những người tốt nghiệp đại học đã giảm từ 127,6% năm 2016 xuống còn 68,6% năm 2022. Xu hướng này một phần là do lợi tức giáo dục trong khu vực chính thức giảm dần.
- Khi kiểm soát sự chênh lệch trong giáo dục, xu hướng cho thấy khoảng cách lương theo giới đang thu hẹp. Tuy nhiên, thu nhập của nam giới vẫn cao hơn thu nhập của phụ nữ 15,6% trong khu vực chính thức và 28,7% trong khu vực phi chính thức vào năm 2022.
- Các chính sách tích hợp tăng cường cơ chế tạo việc làm chính thức và thiết lập tiền lương thông qua đối thoại xã hội, điều chỉnh cơ cấu thu nhập theo trình độ, thúc đẩy việc trả lương bình đẳng theo giới và nâng cao chất lượng và tính phù hợp của giáo dục và đào tạo để tạo điều kiện chuyển dịch sang việc làm trong khu vực chính thức là chìa khóa để tăng cường lợi tức giáo dục.

► Giới thiệu

Đầu tư vào giáo dục từ lâu đã được công nhận là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện kết quả thị trường lao động. Tiến bộ trong giáo dục gắn với quá trình chuyển dịch từ nền kinh tế phi chính thức

sang chính thức ở các nền kinh tế đang phát triển, trong đó có cả Việt Nam.¹ Đầu tư vào giáo dục từ lâu đã được công nhận là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện kết quả thị trường lao động. Tiến bộ

* Bản tóm tắt chính sách này do Xavier Estupíñan, Phú Huỳnh và Juan Chacaltana thực hiện với sự đóng góp của Sangheon Lee, Elva Lopez Mourelo, Steven Tobin và Felix Weidenkaff. Bản tóm tắt này dựa trên dữ liệu và phân tích của Nguyễn Việt Cường, "Lợi tức từ giáo dục không đồng nhất trong thị trường lao động: bằng chứng mới từ Việt Nam", tài liệu làm việc sắp xuất bản của ILO. Bản tóm tắt chính sách này được thực hiện với sự hỗ trợ tài chính của dự án Ngân sách Bổ sung thường xuyên của ILO "Giải quyết tình trạng phi chính thức ở Việt Nam thông qua điều phối chính sách và hành động ngành".

¹ Ví dụ, có thể tham khảo: Era Dabla-Norris và cộng sự, "Vai trò của các đặc tính cá nhân và chính sách trong việc thúc đẩy lao động phi chính thức ở Việt Nam", Tài liệu làm việc của IMF WP/20/273, 2020; ILO, *Việc làm phi chính thức ở Việt Nam: Xu hướng và các yếu tố quyết định*, 2021.

trong giáo dục gắn với quá trình chuyển dịch từ nền kinh tế phi chính thức sang chính thức ở các nền kinh tế đang phát triển, trong đó có cả Việt Nam.²

Cùng với tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và công cuộc giảm nghèo nhanh chóng, trong những thập kỷ qua, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc cải thiện cả trình độ học vấn và chất lượng giáo dục, đồng thời mở rộng nền kinh tế chính thức.

Người lao động có trình độ học vấn và được đào tạo là một phần không thể thiếu của phát triển kinh tế và có nhiều khả năng chuyển dịch sang nền kinh tế chính thức.³ Sự thay đổi này được thúc đẩy bởi động lực đẩy và kéo mà ở đó tiền lương và thu nhập là yếu tố cốt lõi. Khu vực chính thức được đặc trưng bởi thu nhập cao hơn, ổn định hơn và điều kiện làm việc tốt hơn, phản ánh năng suất được cải thiện và sự tuân thủ các quy định về lao động. Ngược lại, những đặc điểm cốt lõi này cũng giúp thu hút lao động có trình độ học vấn.

Người lao động có trình độ học vấn cao có xu hướng thích việc làm chính thức hơn khi chuyên môn của họ được ghi nhận và khen thưởng tốt hơn. Ngoài thu nhập cao hơn, những công việc này mang lại cho họ an ninh việc làm, sự bảo vệ của pháp luật, cơ hội phát triển nghề nghiệp và sự bảo đảm tài chính – điều đó khiến những công việc này hấp dẫn hơn đáng kể so với các lựa chọn công việc không chính thức.

Ngược lại, khu vực phi chính thức đẩy những người lao động có trình độ học vấn cao hơn ra xa với mức lương thấp, không ổn định và thiếu các chế độ phúc lợi việc làm. Các công việc phi chính thức thường không mang lại thu nhập ổn định cũng như sự bảo vệ về mặt pháp lý và xã hội, và sự phát triển nghề nghiệp hạn chế. Nếu không cơ chế thiết lập lương có cấu trúc, ngay cả những lao động có trình độ và kinh nghiệm cũng có nguy cơ bị trả lương thấp, khiến việc làm chính thức trở thành lựa chọn khả thi hơn nhằm mang lại sự ổn định lâu dài.

Tiền lương và thu nhập mang lại lợi tức đầy đủ từ giáo dục là động lực chính thúc đẩy quá trình chuyển dịch từ việc làm phi chính thức sang chính thức – một động lực định hình thị trường lao động khi nền kinh tế phát triển. Ngoài ra, lợi tức giáo dục phải được củng cố bằng các cơ hội việc làm tốt hơn, được thúc đẩy bởi nhu cầu mạnh mẽ, với thu nhập tương xứng với mọi cấp độ học vấn và đào tạo. Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch này cũng ảnh hưởng đến việc không chỉ các cá nhân mà cả các doanh nghiệp và xã hội nhìn nhận giáo dục và đào tạo như thế nào, khiến việc hiểu được tác động rộng hơn của vấn đề này trở nên cần thiết.

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã xem xét các xu hướng lịch sử về lợi tức giáo dục tại Việt Nam.⁴ Mặc dù có các phương pháp tiếp cận khác nhau, các nghiên cứu này đều chứng minh rằng lợi tức giáo dục đã giảm trong những thập kỷ gần đây. Nghiên cứu chính sách này bổ sung thêm vào các nghiên cứu hiện có về lợi tức giáo dục tại Việt Nam bằng cách xem xét các khía cạnh của khu vực chính thức-phi chính thức.⁵ Việc chú trọng vào sự phân chia khu vực chính thức-phi chính thức cho phép hiểu sâu hơn về tính không đồng nhất của thị trường lao động và vai trò của cơ cấu doanh nghiệp như một yếu tố quyết định thu nhập.

Dựa trên dữ liệu từ cuộc Điều tra lao động việc làm của Việt Nam, báo cáo này trình bày các xu hướng về giáo dục, thu nhập và việc làm trong khu vực phi chính thức từ năm 2016 đến năm 2022. Báo cáo này xem xét lợi tức giáo dục trong cả khu vực chính thức và phi chính thức trong giai đoạn này, đưa ra ước tính về tác động của việc học hành đối với thu nhập để hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách đánh giá giá trị kinh tế và xã hội của giáo dục. Báo cáo kết luận bằng việc đưa ra các cân nhắc về chính sách nhằm củng cố việc thiết lập mức lương, thúc đẩy lực lượng lao động có trình độ học vấn và được đào tạo tốt hơn và đẩy nhanh quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế chính thức của Việt Nam.

² Sachiko Kataoka và cộng sự, *Vốn con người của Việt Nam: Thành công trong giáo dục và những thách thức trong tương lai* (Ngân hàng Thế giới, 2020); ILO, *Lý thuyết thay đổi để chuyển dịch từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức tại Việt Nam*, 2023.

³ Để phân tích sâu hơn về mối liên hệ giữa giáo dục, đào tạo và việc làm chính thức ở Việt Nam, tham khảo: ILO và Viện Khoa học Lao động và Xã hội (ILSSA), *Báo cáo nghiên cứu: Việc làm phi chính thức ở Việt Nam qua lăng kính giới*, 2024.

⁴ Tham khảo thêm các nội dung thảo luận tại: Seamus McGuinness và cộng sự, “Lợi tức từ giáo dục tại Việt Nam: Bối cảnh thay đổi”, *Phát triển Thế giới*, Tập 138(C) (2021); Tinh Doan, Quan Le và Tuyen Quang Tran, “Lạc lối trong quá trình chuyển dịch? Lợi tức giáo dục giảm dần tại Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Phát triển châu Âu*, Tập 30 (2) (tháng 4 năm 2018): 195-216.

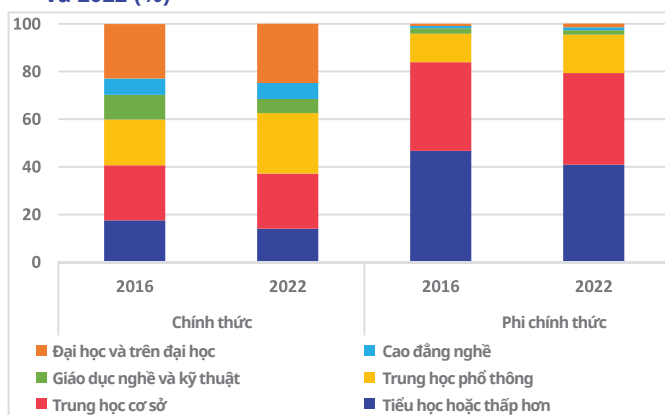
⁵ Phù hợp với dữ liệu kinh tế rộng rãi về lợi tức giáo dục, bản tóm tắt chính sách này chú trọng vào lợi tức về mặt thu nhập. Tuy nhiên, lợi tức giáo dục có thể được xem xét thông qua các kết quả được truyền qua nhiều thể hệ quan trọng khác, bao gồm cả khả năng giảm lao động trẻ em. Ví dụ, có thể tham khảo: Tổng cục Thống kê và ILO, *Những phát hiện chính về tình hình trẻ em làm việc và lao động trẻ em tại Việt Nam năm 2023*, 2025.

► Xu hướng việc làm chính thức, giáo dục và thu nhập

Trong thập kỷ qua, Việt Nam đã ghi nhận những thành tựu đáng kể trong việc mở rộng việc làm chính thức.⁶ Từ năm 2016 đến năm 2022, việc làm chính thức đã tăng lên, với tỷ lệ lao động làm các công việc chính thức tăng từ 27,8% lên 33,1%.⁷ Tương tự như vậy, tỷ lệ việc làm trong khu vực chính thức đã tăng từ 39,7% lên 42,6% trong cùng kỳ. Tuy nhiên, tính phi chính thức vẫn còn phổ biến, đặc biệt là ở những người có trình độ học vấn thấp hơn.

Tương ứng với những xu hướng tích cực này, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ quan trọng trong giáo dục, với tỷ lệ học cấp tiểu học gần như phổ cập và tỷ lệ học cấp sau trung học tăng đáng kể. Từ năm 2016 đến năm 2022, tỷ lệ lao động có trình độ đại học đã tăng từ 11,7% lên 14,3%. Trình độ học vấn cao hơn có mối tương quan chặt chẽ với tính chính thức - năm 2022 có 24,8% lao động trong khu vực chính thức có bằng đại học, trong khi tỷ lệ này trong khu vực phi chính thức chỉ là 1,5% (Hình 1).⁸ Ngược lại, năm 2022, gần 80% lao động trong khu vực phi chính thức vào có trình độ học vấn thấp hơn bậc trung học phổ thông.

► **Hình 1. Người lao động có việc làm phân theo trình độ học vấn và khu vực chính thức-phi chính thức, năm 2016 và 2022 (%)**



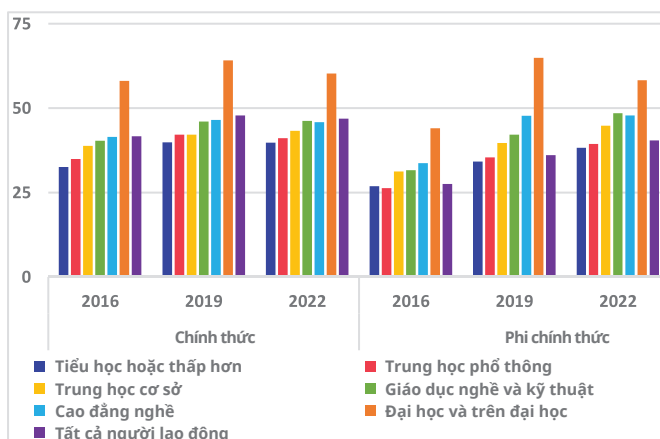
Ghi chú: Độ tuổi từ 15-64.

Nguồn: Nguyễn (sắp xuất bản) dựa trên dữ liệu của Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Điều tra Lao động Việc làm.

Như minh họa trong Hình 2, năm 2022, thu nhập theo giờ trong khu vực chính thức (46.900 đồng), cao hơn so

với khu vực phi chính thức (40.400 đồng). Mặc dù về tổng thể, thu nhập theo giờ của khu vực chính thức tăng từ năm 2016 đến năm 2022 ở tất cả các trình độ học vấn, tốc độ tăng trưởng cao nhất là đối với những người có trình độ tiểu học trở xuống (3,4%) và thấp nhất là đối với những người lao động có trình độ đại học (0,6%).⁹ Để so sánh, trong khu vực phi chính thức, thu nhập theo giờ tăng hàng năm trong suốt giai đoạn sáu năm là 6,1% và 4,8% đối với các trình độ học vấn tương ứng.

► **Hình 2. Thu nhập theo giờ thực tế phân theo khu vực chính thức-phi chính thức và giáo dục, năm 2016, 2019 và 2022 (nghìn đồng)**



Ghi chú: Xem Bảng A1.

Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên dữ liệu của Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Điều tra Lao động Việc làm.

Hình 3 nghiên cứu sâu hơn sự biến động của thu nhập từ năm 2016 đến năm 2022, được định hình bởi hai giai đoạn kinh tế riêng biệt. Từ năm 2016 đến năm 2019, trong giai đoạn kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ, thu nhập đã tăng đáng kể. Thu nhập thực tế theo giờ của khu vực phi chính thức tăng với tốc độ hàng năm là 9,5% - cao hơn gấp đôi tốc độ tăng trưởng 4,7% trong khu vực chính thức. Ngược lại, từ năm 2019 đến năm 2022, trong bối cảnh kinh tế suy thoái do đại dịch COVID-19, thu nhập của khu vực chính thức trì trệ hoặc thậm chí còn giảm đối với một số trình độ học vấn. Trong khi đó, thu nhập ở khu

⁶ Xem ILO và ILSSA để biết thêm dữ liệu và phân tích xu hướng về việc làm và thu nhập chính thức-phi chính thức ở Việt Nam.

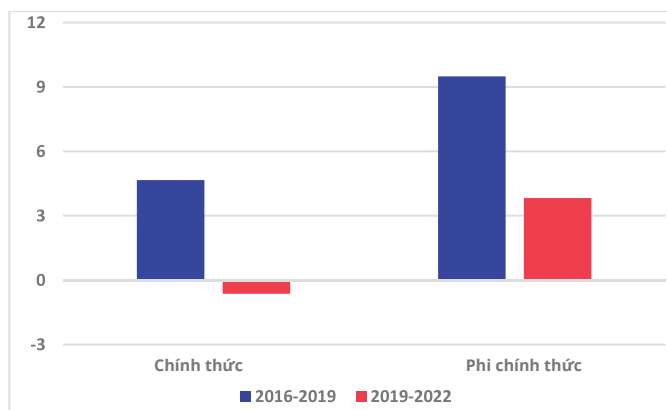
⁷ Trừ khi có ghi chú khác, dữ liệu về việc làm, giáo dục và thu nhập đều dựa trên nghiên cứu của Nguyễn (sắp xuất bản).

⁸ Hơn một nửa số lao động khu vực phi chính thức có trình độ học vấn cao được tuyển dụng chỉ trong ba ngành - cụ thể là nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; sản xuất; và thương mại bán buôn và bán lẻ - và khoảng ba trong năm người làm nghề dịch vụ và bán hàng, chuyên gia hoặc thợ thủ công và các nghề liên quan. Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên dữ liệu của Tổng cục Thống kê Quốc gia, Bộ Tài chính, Điều tra Lao động Việc làm.

⁹ Ước tính dựa trên tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm.

vực phi chính thức nhìn chung đều tăng, ngoại trừ những lao động có trình độ đại học thì lại giảm.

► **Hình 3. Tỷ lệ tăng trưởng thu nhập theo giờ thực tế theo khu vực chính thức-phi chính thức, 2016-2019 và 2019-2022 (%)**



Ghi chú: Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm. Độ tuổi từ 15-64.

Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên dữ liệu của Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Điều tra Lao động Việc làm.

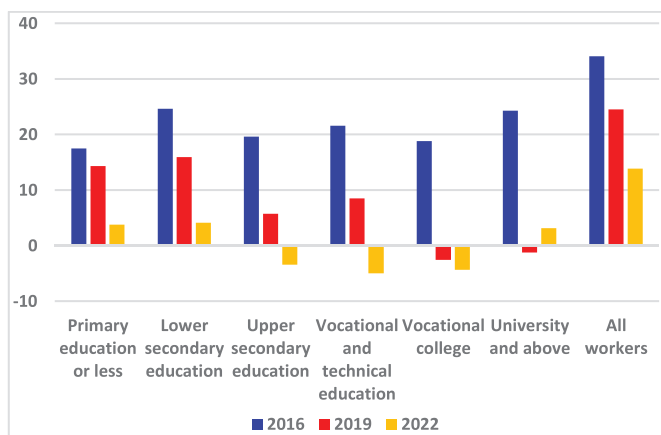
Điểm mấu chốt rút ra từ hai giai đoạn này là thu nhập trong khu vực phi chính thức đã tăng, thu hẹp chênh lệch với khu vực chính thức. Khoảng cách thu nhập thu hẹp giữa khu vực chính thức và phi chính thức này là dấu hiệu cho thấy một thị trường lao động gắn kết và tích hợp hơn. Xu hướng này cho thấy một thị trường lao động đang thắt chặt, ở đó chênh lệch về thu nhập trung bình cho tất cả các trình độ học vấn đã giảm đáng kể ở cả hai khu vực.

Điều này cũng chỉ ra sự dịch chuyển mạnh mẽ về nghề nghiệp trong khu vực phi chính thức từ các nghề sơ cấp, kỹ năng thấp sang các nghề nghiệp kỹ năng trung bình với mức lương cao hơn. Từ năm 2016 đến năm 2022, tỷ lệ các nghề đòi hỏi kỹ năng trung bình trong khu vực phi chính thức tăng 17,9 điểm phần trăm từ 45,7% lên 63,6% để gần tương xứng với mức trong khu vực chính thức (64,9%). Đáng chú ý, mức tăng lớn nhất trong khu vực phi chính thức là ở nhóm lao động dịch vụ và bán hàng (6,5 điểm phần trăm) và lao động thủ công và các ngành nghề liên quan (4,4 điểm phần trăm).

Ngoài ra, khoảng cách tiền lương đang thu hẹp có thể phần nào phản ánh những thay đổi trong cơ cấu việc làm trong khu vực phi chính thức. Trong giai đoạn 2016-2022, tỷ lệ lao động làm công ăn lương trong khu vực phi chính thức tăng 14,2 điểm phần trăm, trong khi lao động tự

làm và lao động làm công việc gia đình lần lượt giảm 7,4 điểm phần trăm và 6,9 điểm phần trăm. Sự chuyển dịch sang công việc làm công ăn lương này, do đáp ứng tốt hơn với các chuẩn mực thiết lập tiền lương chính thức, có thể đã góp phần khiến thu nhập của lao động phi chính thức tăng trưởng cao hơn. Trong khi về tổng thể, thu nhập thực tế theo giờ trong khu vực chính thức vẫn cao hơn so với khu vực phi chính thức, khoảng cách đã giảm từ 34,1% vào năm 2016 xuống còn 13,9% vào năm 2022 (Hình 4). Đáng chú ý, đến năm 2022, lao động tốt nghiệp cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp có thu nhập theo giờ cao hơn trong khu vực phi chính thức, báo hiệu sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu và các động lực của thị trường lao động.

► **Hình 4. Khoảng cách thu nhập thực tế trung bình theo giờ giữa khu vực chính thức và phi chính thức theo trình độ giáo dục, 2016, 2019 và 2022 (%)**



Ghi chú: Độ tuổi từ 15-64. Khoảng cách được đo bằng sự chênh lệch giữa thu nhập thực tế theo giờ của khu vực chính thức và phi chính thức dưới dạng phần trăm thu nhập thực tế theo giờ của khu vực chính thức.

Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên dữ liệu của Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Điều tra Lao động Việc làm.

Xu hướng thu nhập liên quan đến giáo dục chỉ ra những thách thức mới nổi. Trước đây, giáo dục được coi là con đường dẫn đến thu nhập cao hơn và an ninh kinh tế. Tuy nhiên, dữ liệu thị trường lao động gần đây cho thấy lợi tức giáo dục đang giảm. Báo cáo Tiền lương Quốc gia cũng như các nghiên cứu thực nghiệm khác cũng cho thấy điều đó, trong đó nêu bật mức thu nhập cao hơn của những người có trình độ giáo dục cao hơn, đặc biệt là đối với những người tốt nghiệp đại học, đang giảm. Sự sụt giảm này một phần là do sự không phù hợp về trình độ

¹⁰ Ước tính của tác giả dựa trên dữ liệu của Tổng cục Thống kê Quốc gia, Bộ Tài chính, Điều tra Lao động Việc làm. Các nghề đòi hỏi kỹ năng trung bình được định nghĩa theo Tiêu chuẩn Quốc tế về Phân loại Nghề nghiệp 2008 (ISCO-08) nhóm chính 4 (lao động hỗ trợ văn phòng), 5 (lao động dịch vụ và bán hàng), 6 (lao động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có tay nghề), 7 (lao động thủ công và các ngành nghề liên quan) và 8 (công nhân vận hành nhà máy và máy móc và lắp ráp).

¹¹ Khoảng cách tiền lương giữa người lao động chính thức và phi chính thức về tổng thể vẫn là dương mặc dù có khoảng cách âm trong một số nhóm giáo dục do hiệu ứng thành phần. Năm 2022, 25% lao động chính thức có trình độ đại học - trong khi tỷ lệ này trong khu vực phi chính thức chỉ là 1,5% - và tiếp tục có thu nhập cao hơn đáng kể. Ngược lại, khu vực phi chính thức tập hợp lao động có trình độ học vấn thấp hơn và được trả lương thấp nhất. Mặc dù ghi nhận khoảng cách âm ở một số nhóm có trình độ học vấn trung bình nhưng do tỷ lệ nhỏ và thu nhập thấp, mức độ tác động của nhóm này cũng hạn chế.

¹² Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Báo cáo tiền lương quốc gia năm 2021, 2023.

và tình trạng cung vượt cầu ở những người tốt nghiệp đại học trong một số lĩnh vực nhất định, dẫn đến tình trạng nhiều lao động được tuyển làm những công việc thấp hơn trình độ của họ. Ngoài ra, sự chênh lệch thu nhập ngày càng giảm giữa các khu vực chính thức và phi chính thức nhấn mạnh tầm quan trọng ngày càng tăng của việc đầu tư vào việc tạo việc làm chính thức và tạo điều kiện làm việc tốt hơn, an sinh xã hội và các phúc lợi việc làm khác để thu hút người lao động vào khu vực chính thức.

Phần tiếp theo sẽ xem xét sự biến động của lợi tức giáo dục tại Việt Nam dựa trên phân tích kinh tế lượng của dữ liệu từ các cuộc Điều tra Lao động Việc làm năm 2016, 2019 và 2022. Phần này nghiên cứu mức thu nhập của các trình độ giáo dục khác nhau, sự chênh lệch thu nhập giữa việc làm trong khu vực chính thức và phi chính thức và khoảng cách lương theo giới vốn tồn tại dai dẳng.

► Lợi tức giáo dục: các xu hướng và mối liên hệ với khu vực chính thức

Để đánh giá tác động của giáo dục đến thu nhập, báo cáo tóm tắt này sử dụng phân tích hồi quy kinh tế lượng thay vì chỉ dựa vào các giá trị trung bình thô.¹³ Biến chính cần quan tâm là logarit của thu nhập theo giờ,¹⁴ cho phép diễn giải lợi tức giáo dục theo tỷ lệ phần trăm. Để tách biệt tác động của giáo dục đến thu nhập, mô hình hồi quy kiểm soát các yếu tố như độ tuổi, giới tính và thành phần hộ gia đình.¹⁵

Bảng 1 cho thấy từ năm 2016 đến năm 2022, lợi tức giáo dục đã giảm ở tất cả các cấp, trong đó giáo dục đại học có mức giảm mạnh nhất. Mức thu nhập của những người tốt nghiệp đại học giảm từ 127,6% xuống 68,6%, trong khi lợi tức của những người tốt nghiệp cao đẳng nghề giảm từ 66,8% xuống 35,1%. Xu hướng này cho thấy tình trạng cung vượt cầu đối với lao động tốt nghiệp đại học và thị trường lao động đang có sự chuyển đổi, theo đó giáo dục đại học không còn đảm bảo lợi thế về thu nhập như trước nữa.

► **Bảng 1. Mức thu nhập so với trình độ giáo dục tiểu học trở xuống phân theo trình độ giáo dục, 2016, 2019 và 2022 (%)**

	2016	2019	2022
Trung học cơ sở	4.4	11.3	7.8
Trung học phổ thông	29.1	22.4	22.1
Giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật	46.4	37.5	26.1
Cao đẳng nghề	66.8	52.8	35.1
Đại học và trên đại học	127.6	97.5	68.6

Ghi chú: Độ tuổi từ 15-64.

Nguồn: Nguyễn (sắp xuất bản) dựa trên dữ liệu của Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Điều tra Lao động Việc làm.

Tương tự như vậy, giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật cũng ghi nhận lợi tức giảm, cho thấy có thể có sự không phù hợp giữa đào tạo và nhu cầu thị trường lao động. Ngược lại, lợi tức giáo dục của những người tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vẫn tương đối thấp nhưng ổn định hơn, theo đó thu nhập của họ vẫn cao hơn thu nhập của những người lao động chỉ có trình độ tiểu học hoặc thấp hơn lần lượt là 7,8% và 22,1% vào năm 2022.

Một số yếu tố có thể giải thích cho mô hình này, bao gồm nguồn cung lao động có trình độ học vấn cao ngày càng tăng, thay đổi trong nhu cầu về các trình độ cụ thể, sự thay đổi trong phân bố nghề nghiệp (như đã thảo luận ở phần trên) và các cơ cấu kinh tế đang phát triển. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết không chỉ mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục mà còn cải thiện chất lượng và sự phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

Một yếu tố khác đằng sau lợi tức giáo dục giảm dần được quan sát thấy là thu nhập của những người lao động được trả lương thấp và trình độ học vấn thấp ngày càng tăng.¹⁶ Thay vì làm suy yếu giá trị của giáo dục, điều này cho thấy sự thu hẹp chênh lệch thu nhập vì những người có trình độ học vấn thấp hơn đang dần bắt kịp với những người khác. Do đó, với khoảng cách thu nhập giữa những người lao động có trình độ học vấn thấp hơn và cao hơn ngày càng thu hẹp, lợi tức bổ trợ tổng thể từ giáo dục đã giảm.

Khoảng cách lương theo giới và sự phân chia chính thức-phi chính thức

Sự khác biệt về lợi tức giáo dục trong các khu vực chính thức và phi chính thức là một yếu tố then chốt cần xem xét. Về khoảng cách thu nhập theo giới, năm 2022, lao động nam luôn thu nhập cao hơn lao động nữ trong cả hai khu vực. Tuy nhiên, sự chênh lệch này rõ rệt hơn ở khu vực phi chính thức.¹⁷

¹³ Mô hình lựa chọn Heckman được sử dụng để hiệu chỉnh sai lệch lựa chọn tiềm ẩn – đảm bảo rằng kết quả tính đến thực tế là các cá nhân có trình độ học vấn cao hơn có nhiều khả năng tham gia vào thị trường lao động hơn. Để so sánh, hồi quy bình phương tối thiểu thông thường (OLS) cũng được ước tính. Cả hai mô hình đều đưa ra những phát hiện nhất quán, giúp nhấn mạnh kết quả. Để thảo luận thêm về phương pháp luận, tham khảo Nguyễn (sắp xuất bản).

¹⁴ Dữ liệu thu nhập được thu thập từ người lao động, người sử dụng lao động và lao động tự làm. Đối với lao động làm công ăn lương, thu nhập từ lao động của họ bao gồm tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập thêm khác từ công việc chính. Để tính thu nhập theo giờ, thu nhập hàng tháng được nhân với 12 để có được thu nhập hàng năm, sau đó chia cho tích số giờ làm việc hàng tuần và 52.

¹⁵ Mô hình kiểm soát các yếu tố ngoại sinh chính như tuổi tác và giới tính, trong khi các biến thành phần hộ gia đình được đưa vào phương trình lựa chọn để giải quyết vấn đề thiên lệch tự chọn.

¹⁶ Các chính sách tiền lương, bao gồm cả mức lương tối thiểu theo luật định, có thể đã góp phần nâng cao thu nhập của đối tượng ở mức thấp hơn của dãy phân phối, nhưng vai trò của các chính sách tiền lương cần được xem xét trong bối cảnh rộng hơn của thị trường lao động và những thay đổi về thể chế. Những phát hiện sơ bộ từ nghiên cứu sắp xuất bản của ILO cho thấy đã có những cải thiện trong việc tuân thủ mức lương tối thiểu trong những năm gần đây, điều này có thể đã hỗ trợ tăng trưởng thu nhập của những lao động có mức lương thấp ở cả khu vực chính thức và phi chính thức. Tham khảo: ILO, Nghiên cứu về tác động của mức lương tối thiểu tại Việt Nam, sắp xuất bản.

¹⁷ Phát hiện này phù hợp với phân tích tiền lương theo giới trong ILO và ILSSA.

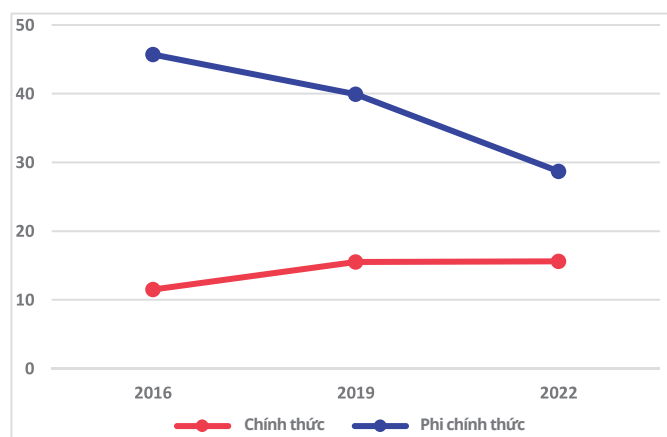
► Báo cáo nghiên cứu tóm tắt

Lợi tức giáo dục ở Việt Nam: Thu nhập, giáo dục và quá trình chuyển dịch sang khu vực chính thức

Sự chênh lệch về thu nhập và lợi tức giáo dục vẫn rõ rệt mặc dù trình độ học vấn của phụ nữ đã được cải thiện. Lao động nam vẫn thu nhập cao hơn phụ nữ ở mọi trình độ học vấn và khoảng cách này càng rõ rệt hơn ở khu vực phi chính thức, nơi các quy định về lao động và cơ chế thiết lập mức lương còn yếu. Ngoài ra, sự phân biệt nghề nghiệp dựa trên giới, đặc biệt là trong khu vực phi chính thức, là một yếu tố quan trọng. Ví dụ như, phụ nữ chiếm tỷ lệ không cân xứng trong các nghề sơ cấp, vốn có xu hướng được trả lương thấp hơn so với nam giới.¹⁸

Tuy nhiên, khoảng cách giới này đã dần thu hẹp theo thời gian, đặc biệt là trong khu vực phi chính thức. Năm 2022, lao động nam thu nhập cao hơn 15,6% so với lao động nữ trong khu vực chính thức và cao hơn 28,7% trong khu vực phi chính thức (Hình 5). Sự tồn tại của tình trạng chênh lệch thu nhập làm nổi bật sự cần thiết phải có các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trên thị trường lao động, giải quyết sự phân biệt nghề nghiệp dựa trên giới và phân biệt đối xử tại nơi làm việc và đảm bảo rằng phụ nữ được trả lương bình đẳng cho công việc có giá trị như nhau.

► **Hình 5. Khoảng cách lương theo giới theo khu vực chính thức-phi chính thức, 2016, 2019 và 2022 (%)**



Ghi chú: Độ tuổi từ 15-64.

Nguồn: Nguyễn (sắp xuất bản) dựa trên dữ liệu của Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Điều tra Lao động Việc làm.

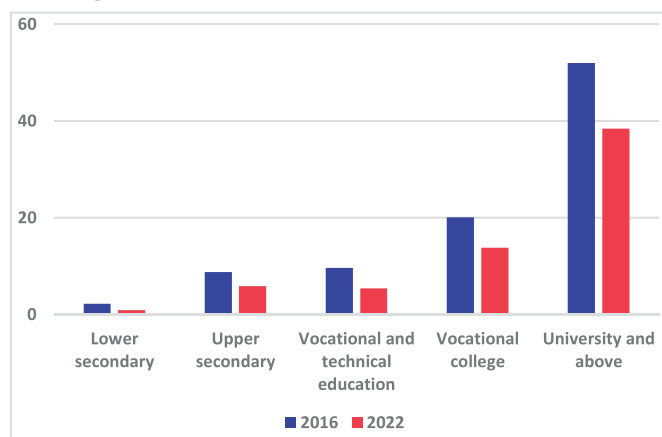
Mức thu nhập dựa trên trình độ giáo dục và tính phi chính thức

Trong khi đó, lợi tức giáo dục, được đo bằng tỷ lệ phần trăm tăng thu nhập theo giờ thực tế của những cá nhân có trình độ tiểu học trở xuống, cho thấy sự vận động quan trọng liên quan đến những thay đổi trong giai

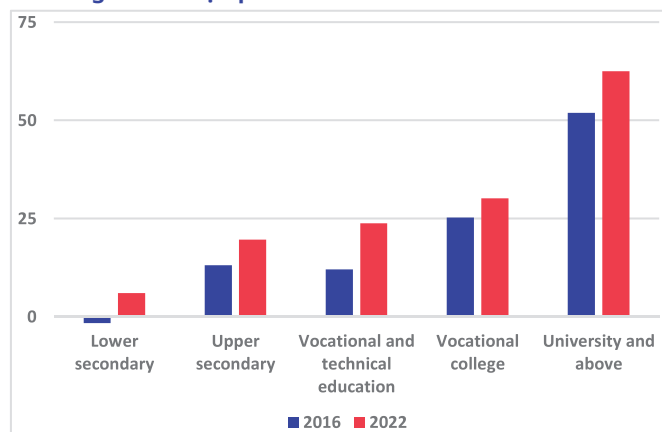
đoạn từ năm 2016 đến năm 2022 cũng như sự khác biệt theo ngành. Trước đây, khu vực chính thức mang lại lợi tức giáo dục rất cao nhưng xu hướng gần đây cho thấy, đã có một sự thay đổi quan trọng (Hình 6, Bảng A).

► **Hình 6. Mức thu nhập so với trình độ tiểu học hoặc thấp hơn phân theo trình độ giáo dục và khu vực, năm 2016 và 2022 (%)**

Bảng A. Khu vực chính thức



Bảng B. Khu vực phi chính thức



Ghi chú: Độ tuổi từ 15-64.

Nguồn: Nguyễn (sắp xuất bản) dựa trên dữ liệu của Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Điều tra Lao động Việc làm.

Năm 2022, những người tốt nghiệp đại học làm việc trong khu vực chính thức thu nhập được cao hơn những lao động tốt nghiệp tiểu học 38,4%, là mức lợi tức giáo dục cao nhất so với tất cả các cấp học và gần gấp ba lần mức thu nhập cao hơn của những người tốt nghiệp cao đẳng nghề. Tuy nhiên, đáng chú ý là lợi tức từ giáo dục đại học đã giảm mạnh so với mức 51,9% của năm 2016 và phản ánh mô hình chung là mức thu nhập giảm dần ở tất cả các cấp học. Ví dụ, lợi tức giáo dục của những lao

¹⁸ Ước tính của tác giả dựa trên dữ liệu của Tổng cục Thống kê Quốc gia, Bộ Tài chính, Điều tra Lao động Việc làm.

động tốt nghiệp trung học cơ sở năm 2022 chỉ là 0,8%, giảm so với mức 2,2% của năm 2016.

Ngược lại, xu hướng lợi tức giáo dục trong khu vực phi chính thức cho thấy một mô hình hoàn toàn khác biệt (Hình 6, Bảng B). Mức thu nhập của tất cả các cấp học đã tăng từ năm 2016 đến năm 2022. Ví dụ, năm 2022, những người tốt nghiệp đại học làm việc trong khu vực phi chính thức thu nhập cao hơn những lao động có trình độ tiểu học 62,5%, tăng đáng kể so với mức 51,9% năm 2016.

Tương tự như vậy, những người tốt nghiệp cao đẳng nghề được hưởng mức thu nhập là 30,1% vào năm

2022, tăng từ mức 25,3% của sáu năm trước đó. Lợi tức giáo dục trong khu vực phi chính thức ngày càng tăng cũng ghi nhận được ở cấp giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, với mức thu nhập của bậc giáo dục tiểu học tăng 6-7 điểm phần trăm trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2022. Tuy nhiên, mức thu nhập cao và ngày càng tăng trong khu vực phi chính thức có thể phải trả giá bằng an ninh việc làm, an sinh lao động và xã hội, và các chế độ phúc lợi việc làm như nghỉ phép có lương, nghỉ ốm và chế độ hưu trí.

► Kết luận và các cân nhắc chính

Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục và đào tạo cho lực lượng lao động. Tuy nhiên, lợi tức giáo dục đang giảm, chênh lệch thu nhập giữa khu vực chính thức và phi chính thức và khoảng cách giới tồn tại dai dẳng nêu bật sự cần thiết phải điều chỉnh chính sách.

Tăng trưởng tiền lương gần đây ở những lao động được trả lương thấp và có trình độ học vấn thấp đã góp phần thu hẹp chênh lệch thu nhập giữa các trình độ học vấn. Mặc dù xu hướng này hỗ trợ kết quả thị trường lao động toàn diện hơn nhưng cũng làm giảm đãi ngộ tài chính của bậc giáo dục đại học. Để giải quyết vấn đề này, các nhà hoạch định chính sách cần đảm bảo trả công công bằng trong khi thúc đẩy nền kinh tế mà ở đó, giáo dục vẫn là khoản đầu tư có giá trị chứ không chỉ là phương tiện để thoát khỏi mức lương thấp.

Thời gian qua đã có sự dịch chuyển mạnh mẽ giữa những người lao động trong khu vực phi chính thức ở các nghề nghiệp sơ cấp sang các nghề nghiệp có kỹ năng trung bình. Ngoài ra, ngày càng có nhiều người lao động chuyển từ khu vực phi chính thức sang khu vực chính thức, điều này có thể đã góp phần làm chậm tốc độ tăng trưởng thu nhập ở các công việc chính thức. Đại dịch COVID-19 cũng tác động nghiêm trọng hơn đến khu vực chính thức, góp phần làm tăng lợi tức giáo dục tương đối trong khu vực phi chính thức. Do đó, lợi tức giáo dục tương đối cao trong khu vực phi chính thức có thể tạo ra một lựa chọn việc làm thay thế cho những người tốt nghiệp đại học, mặc dù họ phải đánh đổi về an ninh việc làm thấp hơn và an sinh xã hội hạn chế.

Kinh nghiệm của Việt Nam nhấn mạnh sự cần thiết phải điều chỉnh các chính sách giáo dục phù hợp với thực tế thị trường lao động. Để đảm bảo giáo dục vẫn là khoản đầu tư có giá trị đồng thời với thúc đẩy thu nhập công bằng, các chính sách tiền lương phải phù hợp với các chiến lược an sinh xã hội và thị trường lao động rộng hơn. Các nhà hoạch định chính sách ở Việt Nam có thể đảm bảo tiền lương và thu nhập công bằng, cải thiện lợi tức giáo dục và thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế chính thức bằng việc chú trọng vào các ưu tiên sau.

Đầu tư vào việc tạo việc làm chính thức. Sự suy giảm lợi tức giáo dục phản ánh cả sự mở rộng về trình độ học vấn và những hạn chế về mặt cấu trúc trong thị trường lao động, đặc biệt là khu vực phi chính thức rộng lớn. Khi

việc tạo việc làm trong khu vực chính thức vẫn còn hạn chế, một số lao động có trình độ không thể tiếp cận các công việc chính thức được trả lương cao và thay vào đó bị đẩy vào việc làm phi chính thức - ngay cả khi lợi tức giáo dục trong khu vực phi chính thức tạm thời có thể rất cao.

Củng cố việc thiết lập mức lương thông qua đối thoại xã hội.¹⁹ Việc xác định tiền lương và thu nhập cần dựa trên thương lượng tập thể và đối thoại ba bên, đảm bảo rằng tiền lương phản ánh cả nhu cầu của người lao động và gia đình họ cũng như các yếu tố kinh tế. Việc điều chỉnh cơ cấu thu nhập phù hợp với giáo dục, đào tạo và trình độ có thể nâng cao lợi tức tài chính từ giáo dục trong khi giảm chênh lệch lương theo giới.

Cân bằng thu nhập công bằng và các cơ chế khuyến khích cho giáo dục đại học và đào tạo. Mặc dù mức lương tối thiểu giúp giảm bất bình đẳng và tăng thu nhập cho những người dễ bị tổn thương nhất, lương tối thiểu cần được bổ trợ bởi các cơ cấu tiền lương và thu nhập khuyến khích việc tiếp thu kỹ năng và khen thưởng. Các nhà hoạch định chính sách cần ngăn chặn tình trạng nén tiền lương khiến người lao động nản chí khi theo đuổi giáo dục đại học và đào tạo bằng cách đảm bảo phân biệt lương dựa trên trình độ và nhu cầu cụ thể của từng ngành.

Thu hẹp khoảng cách thu nhập theo giới và theo ngành. Các chính sách cần thúc đẩy trả lương bình đẳng cho công việc có giá trị như nhau, giải quyết tình trạng phân biệt nghề nghiệp theo giới và thực thi luật chống phân biệt đối xử. Đầu tư vào giáo dục và đào tạo cần cải thiện khả năng tiếp cận các ngành được trả lương cao hơn, đặc biệt là đối với phụ nữ và các nhóm thiểu số.

Chuyển dịch sang khu vực chính thức và thúc đẩy năng suất. Mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể trong những năm gần đây, nhiều người lao động vẫn làm những công việc được trả lương thấp trong khu vực phi chính thức. Việc giải quyết tình trạng phi chính thức thông qua một phương pháp tiếp cận lồng ghép ưu tiên các chính sách tăng cường mối liên kết giữa các hệ thống giáo dục và đào tạo với quá trình chuyển dịch sang khu vực chính thức, các thể chế thị trường lao động mạnh mẽ hơn, tuân thủ tốt hơn và hỗ trợ doanh nghiệp có thể cải thiện lợi tức giáo dục và thúc đẩy tăng thu nhập. Ngoài ra, các chính sách cần hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ, khuyến khích đổi mới và tạo ra các con đường dẫn đến khu vực chính thức.

¹⁹ Để thảo luận thêm về việc tăng cường các thể chế thị trường lao động và đối thoại xã hội nhằm đảm bảo tăng trưởng năng suất dẫn đến tăng trưởng tiền lương, vui lòng tham khảo: ILO, *Báo cáo tiền lương toàn cầu 2024-2025: Bất bình đẳng tiền lương trên toàn cầu có đang giảm hay không?*, 2024.

► Báo cáo nghiên cứu tóm tắt

Lợi tức giáo dục ở Việt Nam: Thu nhập, giáo dục và quá trình chuyển dịch sang khu vực chính thức

Thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Sự chuyển dịch kinh tế từ các khu vực năng suất thấp sang các khu vực có giá trị gia tăng cao hơn là rất quan trọng để tăng thu nhập và đẩy nhanh quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế chính thức. Đầu tư vào nghiên cứu, công nghệ hiện đại và hỗ trợ tinh thần khởi nghiệp có thể tạo ra việc làm được trả lương cao hơn, thúc đẩy nhu cầu về lao động có trình độ học vấn cao và đã qua đào tạo và đảm bảo biến giáo dục thành các cơ hội kinh tế có ý nghĩa.

► Phụ lục

► **Bảng A1. Thu nhập thực tế theo giờ của người lao động phân theo khu vực chính thức - phi chính thức và trình độ học vấn, năm 2016 và 2022 (nghìn đồng)**

	Khu vực chính thức		Khu vực phi chính thức	
	2016	2022	2016	2022
Giáo dục tiểu học hoặc thấp hơn	32,6	39,8	26,9	38,3
	(0,4)	(0,6)	(0,4)	(0,6)
Giáo dục trung học cơ sở	34,9	41,1	26,3	39,4
	(0,4)	(0,5)	(0,4)	(0,5)
Giáo dục trung học phổ thông	38,8	43,3	31,2	44,8
	(1,1)	(0,5)	(0,6)	(1,1)
Giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật	40,3	46,2	31,6	48,5
	(0,4)	(0,6)	(1,4)	(1,4)
Cao đẳng nghề	41,5	45,8	33,7	47,8
	(1,0)	(0,5)	(1,5)	(1,4)
Đại học và trên đại học	58,1	60,2	44,0	58,3
	(0,7)	(0,6)	(2,3)	(1,6)
Mọi người lao động	41,7	46,9	27,5	40,4
	(0,4)	(0,4)	(0,3)	(0,5)

Ghi chú: Mẫu bao gồm các cá nhân trong độ tuổi từ 15-64. Thu nhập được điều chỉnh theo giá vào tháng 12 năm 2022 bằng cách sử dụng chỉ số giá tiêu dùng hàng tháng chung. Các khu vực chính thức và phi chính thức được định nghĩa dựa trên phương pháp tiếp cận đơn vị sản xuất. Sai số chuẩn được đặt trong dấu ngoặc đơn.

Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên dữ liệu của Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Điều tra I lao động Việc làm.

Thông tin liên hệ	Văn phòng quốc gia của Tổ chức Lao động Quốc tế tại Việt Nam Tòa nhà xanh Liên Hợp Quốc 304 Kim Mã Hà Nội 11112, Việt Nam	T: +84 24 38 500 100 E: HANOI@ilo.org W: www.ilo.org/hanoi
--------------------------	--	--